

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 8 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,581.81 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và UPCOM, mua ròng trên sàn HNX. Cây nến rút chân hôm nay cho thấy lực bắt đáy tại ngưỡng 1,570 khá tốt. VN-Index đã ghi nhận một lần thất bại trong việc chinh phục hoàn toàn ngưỡng 1,580 và hiện tại chỉ số tiếp tục trải qua rung lắc khi tiếp cận ngưỡng này. Trong những phiên tới, chỉ số có thể trải qua giai đoạn tích lũy ngắn hạn tại đây.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.10** điểm, đóng cửa tại **1581.81** điểm. HNX-Index **+2.20** điểm, đóng cửa tại **270.86** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+3.65)**, **HPG (+2.63)**, **BID (+1.59)**, **TPB (+0.82)**, **GVR (+0.81)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-3.06)**, **VHM (-2.32)**, **VCB (-1.15)**, **GEX (-0.35)**, **GEE (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **41,599** tỷ đồng, tăng **12.24%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 44,350 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.66 điểm. Thị trường có **223** mã tăng, 47 mã tham chiếu, **106** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-78.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-367.82 tỷ)**, **GEX (-157.89 tỷ)**, **VCB (-126.89 tỷ)**, **VIX (-112.11 tỷ)**, **VHM (-102.35 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **53.44** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.66%**. Các mã diễn biến tích cực:
TPB (+6.87%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+6.83%) [\(Link báo cáo\)](#)
KDH (+6.41%)
- BSC50 **+1.16%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.92%)
DPM (+6.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
HHV (+4.92%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.66%	1.16%	0.51%	0.67%
1 tuần	4.59%	0.41%	5.28%	7.41%
1 tháng	7.45%	10.69%	11.75%	13.44%
3 tháng	23.95%	25.14%	24.82%	28.29%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,581.81	270.86	107.92
% 1D	0.51%	0.82%	0.43%
GTKL (tỷ VND)	41,599	2,687	992
%1D	12.24%	-4.50%	-20.87%
GDNN (tỷ VND)	-78.66	53.44	-39.19

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	442.78	FPT	-367.82
HPG	386.12	GEX	-157.89
TPB	129.07	VCB	-126.89
STB	107.87	VIX	-112.11
CII	82.67	VHM	-102.35

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

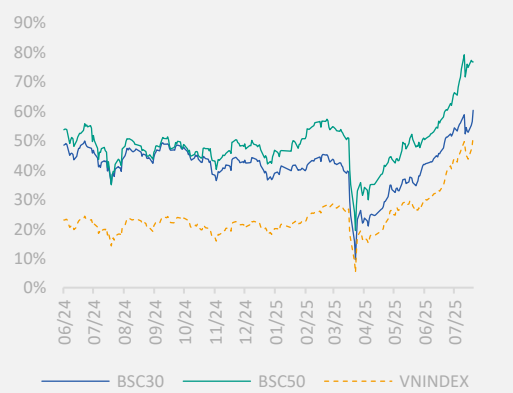
		%D	%W
SPX	6,345	0.73%	-0.28%
FTSE100	9,135	-0.33%	0.02%
Eurostoxx	5,323	1.28%	-0.02%
Shanghai	3,640	0.16%	1.86%
Nikkei	41,059	0.65%	-0.03%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.07	0.16%
Giá vàng	3,380	-1.56%
Tỷ giá		
USD/VND	26,400	-0.08%
EUR/VND	31,347	0.63%
JPY/VND	182	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	-0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	28.95	6.83%	3.65	7.93
HPG	28.50	5.17%	2.63	7.68
BID	40.45	2.41%	1.59	7.02
TPB	19.45	6.87%	0.82	2.64
GVR	31.10	2.81%	0.81	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	17.20	3.61%	0.49	1.17
CEO	23.80	5.31%	0.45	0.54
KSV	168.50	1.38%	0.31	0.20
IDC	46.30	1.98%	0.20	0.33
HUT	18.10	1.69%	0.18	0.89

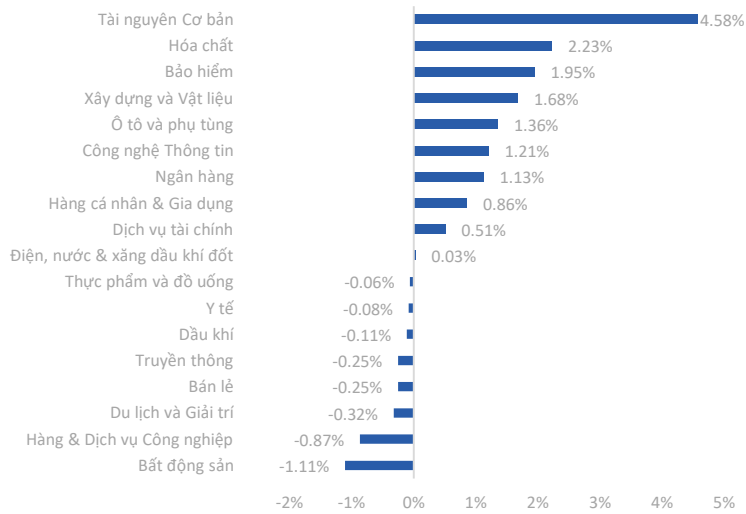
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDI	8.45	6.96%	0.04	8.34
VPG	9.55	6.94%	0.01	3.95
ANV	27.80	6.92%	0.12	8.90
DPM	26.55	6.91%	0.16	4.02
VDS	20.10	6.91%	0.09	8.31

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ICG	14.60	9.77%	0.10	0.10
ECI	19.10	9.77%	0.01	0.08
VNT	30.40	9.75%	0.19	0.00
PIA	32.80	9.70%	0.05	0.01
BKC	30.60	9.68%	0.13	0.02

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	115.00	-2.95%	-3.06	3.88
VHM	95.00	-2.56%	-2.32	4.11
VCB	61.70	-0.96%	-1.15	8.36
GEX	57.50	-2.87%	-0.35	0.90
GEE	116.50	-2.92%	-0.29	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	27.50	-1.79%	-0.13	0.38
SHS	24.10	-0.41%	-0.06	0.89
APS	12.10	-6.92%	-0.05	0.08
VIF	15.90	-1.24%	-0.05	0.35
DTK	12.60	-0.79%	-0.05	0.68

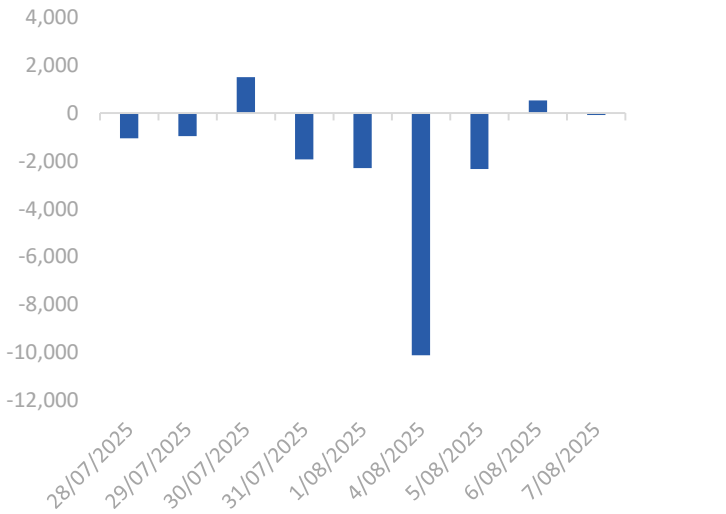
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSI	22.15	-6.93%	0.00	2.40
SSC	32.30	-6.38%	-0.01	0.00
CCI	23.10	-4.74%	0.00	0.00
CDC	18.90	-4.55%	-0.01	0.67
FUCTVGF5	11.00	-4.35%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BBS	14.70	-9.82%	-0.03	0.00
CAN	36.90	-9.56%	-0.07	0.00
PTX	20.40	-9.33%	-0.05	0.00
VCM	7.30	-7.59%	-0.01	0.00
NFC	53.20	-7.48%	-0.24	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	72.4	0.0%	1.4	107,040	745.4	3,304	21.9	84,700	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	34.0	2.4%	1.6	31,219	273.2	1,831	18.1		14.8%	
KDH	Bất động sản	29.9	6.4%	1.1	31,534	308.6	717	39.2		33.4%	
PDR	Bất động sản	20.0	2.3%	1.6	19,106	337.3	177	110.4	23,600	9.6%	Link
VHM	Bất động sản	95.0	-2.6%	1.2	400,473	543.0	6,995	13.9	81,300	10.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	106.2	1.2%	1.1	178,698	1197.0	5,092	20.6	136,500	39.7%	Link
BSR	Dầu khí	21.9	0.5%	0.0	67,591	352.4	(16)	(1,361)		0.3%	
PVS	Dầu khí	34.6	0.0%	1.2	16,538	178.7	2,649	13.1	38,600	12.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.2	1.4%	1.7	30,023	497.8	1,155	24.1		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.2	-0.4%	1.5	69,607	1308.3	1,577	22.4		40.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	46.5	-0.2%	1.4	33,673	645.7	1,370	34.0		28.8%	
DCM	Hóa chất	39.9	3.6%	1.6	20,382	437.1	3,221	12.0	47,300	5.5%	Link
DGC	Hóa chất	106.3	0.0%	1.3	40,370	322.2	8,205	13.0	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	0.8%	0.8	124,307	479.3	3,305	7.3	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.5	2.4%	0.9	277,344	491.4	3,683	10.7	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	47.9	0.7%	0.9	255,075	444.7	5,608	8.5	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	28.5	0.9%	0.9	98,735	913.8	4,094	6.9	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	30.8	0.5%	0.9	186,730	947.9	4,021	7.6	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	15.4	5.9%	1.1	37,700	663.6	1,961	7.4	14,000	28.6%	Link
STB	Ngân hàng	54.6	0.9%	0.9	101,990	912.7	6,148	8.8		20.1%	
TCB	Ngân hàng	38.4	0.5%	1.2	269,877	1283.3	3,019	12.7	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.5	6.9%	1.2	48,084	1424.2	2,423	7.5	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	61.7	-1.0%	0.5	520,559	595.4	4,148	15.0	75,700	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	19.6	0.3%	0.8	66,378	392.9	2,219	8.8	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.0	6.8%	1.0	215,009	2169.5	2,193	12.4	26,500	25.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.5	5.2%	1.2	208,005	3931.9	1,750	15.5	35,800	22.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.6	3.4%	1.4	11,768	374.1	751	25.2	16,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.3	1.3%	1.6	11,496	371.5	4,752	7.2	32,200	6.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.2	0.3%	1.3	109,890	786.6	1,862	40.8	82,500	25.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.9	-0.7%	0.5	128,114	290.6	4,101	15.0	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.5	-0.54%	1.8	10,235	141.0	2,216	21.1	26.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	152.0	-1.30%	1.0	26,226	156.4	3,163	48.7	33.4%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.0	1.56%	1.1	38,007	42.2	3,311	15.5	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	22.1	2.32%	1.4	13,931	530.4	183	117.5	4.8%	1.5%	
DXG	Bất động sản	20.6	2.23%	1.4	20,531	496.2	353	57.1	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.9	0.99%	1.2	6,332	132.4	482	73.7	6.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	27.9	3.34%	1.5	9,971	203.8	522	51.6	16.8%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	46.3	1.98%	1.2	14,982	181.4	4,574	9.9	17.9%	27.3%	
NLG	Bất động sản	42.0	0.96%	1.4	16,000	139.5	1,709	24.3	49.2%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	66.4	3.11%	1.4	15,592	77.3	5,315	12.1	3.9%	28.6%	
SZC	Bất động sản	37.5	2.04%	1.5	6,614	134.9	1,978	18.6	2.1%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	24.2	1.47%	1.7	15,904	246.4	1,125	21.2	12.3%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	115.0	-2.95%	1.3	453,104	488.8	3,580	33.1	4.5%	9.9%	
VRE	Bất động sản	30.5	1.33%	1.3	68,397	183.1	1,937	15.5	18.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.7	1.75%	1.2	8,452	63.2	1,701	23.5	36.6%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	37.1	-0.93%	0.9	47,584	86.5	1,596	23.5	16.5%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.5	0.00%	1.4	11,951	136.0	1,428	15.1	3.8%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	42.8	3.63%	1.8	14,310	371.3	1,348	30.6	26.3%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.8	1.10%	1.8	20,849	203.2	1,554	23.4	6.2%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.1	-0.29%	0.8	162,347	67.7	5,152	13.5	1.9%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.9	1.02%	0.9	34,543	168.6	624	23.6	3.2%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.9	0.00%	0.9	36,237	62.5	4,418	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.7	-1.01%	0.7	76,318	282.3	3,427	37.6	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-2.87%	1.5	53,422	652.4	1,745	33.9	8.0%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.0	2.39%	1.1	24,623	440.8	3,765	15.6	39.2%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.7	1.75%	1.2	9,872	224.5	7,186	10.6	6.1%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.2	-0.82%	1.2	8,623	100.2	2,304	8.0	8.7%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.8	-0.51%	0.0	14,297	85.8	3,339	35.2	5.2%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.4	0.12%	1.0	29,161	77.6	6,129	14.1	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.4	1.98%	1.0	3,669	116.7	2,693	12.2	50.0%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.7	4.33%	1.2	2,550	88.8	2,844	7.3	16.8%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.6	6.92%	1.5	16,886	106.6	1,663	26.0	8.8%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	31.1	2.81%	2.1	121,000	275.7	1,320	22.9	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	27.1	-1.09%	0.9	51,039	437.0	1,783	15.4	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	35.8	-0.83%	0.7	107,841	162.1	3,324	10.9	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.4	0.33%	0.0	26,336	31.9	2,260	6.8	2.0%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.6	2.26%	0.9	32,795	187.4	1,220	10.9	19.8%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	3.69%	1.3	7,273	479.4	666	24.4	6.0%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.8	6.92%	1.7	6,923	245.5	1,871	13.9	3.1%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.9	-0.43%	0.7	10,641	152.5	1,921	18.2	3.7%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.7	-0.21%	1.2	61,306	74.8	3,185	15.0	59.0%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.6	-0.83%	1.3	13,490	107.3	6,372	9.4	20.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.9	0.57%	1.0	11,551	24.8	13,894	10.2	85.8%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.0	1.47%	1.3	8,297	99.8	4,512	18.1	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.7	0.54%	1.5	10,546	90.2	4,928	18.7	7.5%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.9	0.75%	1.4	4,687	111.0	2,501	18.6	3.8%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.9	4.92%	1.5	6,566	409.6	1,077	12.3	10.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.2	-0.57%	1.3	9,406	173.8	1,179	22.3	15.3%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	1.93%	1.4	16,744	312.5	1,241	20.9	9.5%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	56.1	0.54%	1.4	25,018	108.7	3,343	16.7	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>